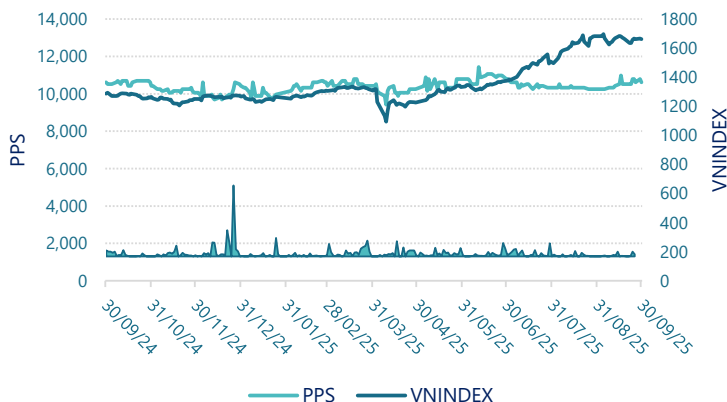




CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (HNX: PPS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,432
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,420
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,670
% sở hữu nước ngoài	28.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	174
P/E	12.3
EPS	947

DT thuần

Q3/25

94.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.2| -18.9%

YoY: ▲31.5| 49.8%

LN sau thuế

Q3/25

2.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.19| -47.7%

YoY: ▼1.64| -40.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.2%

+/- YoY: ▼6.4%

DT thuần

9T 2025

234

tỷ VNĐ

YoY: ▲24.0| 11.1%

LN sau thuế

9T 2025

8.50

tỷ VNĐ

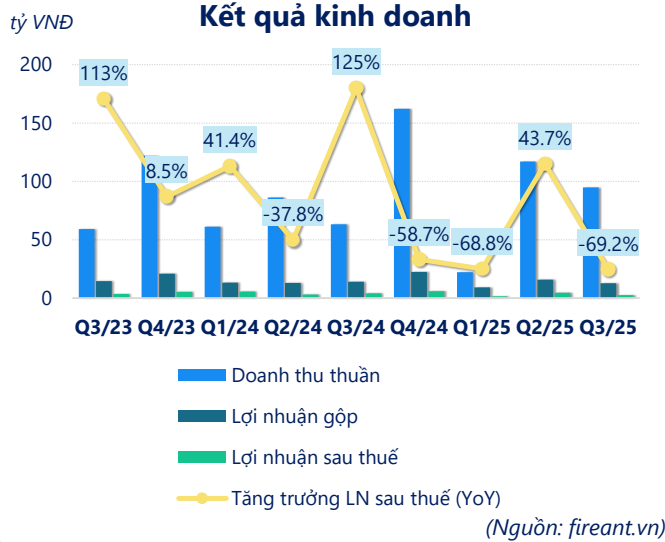
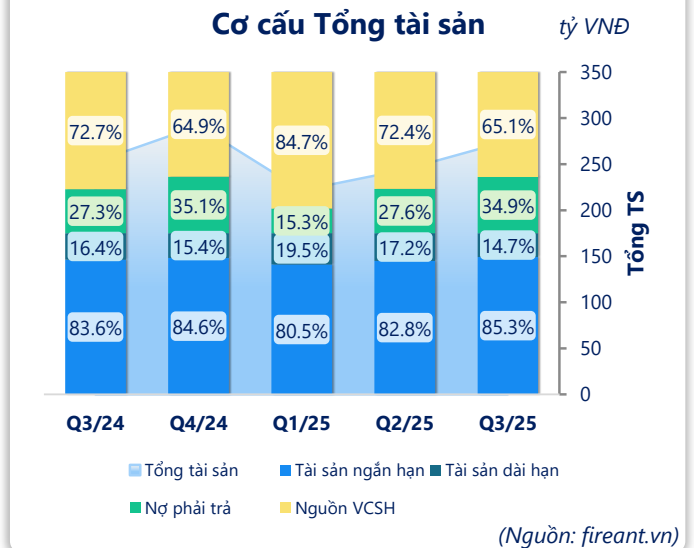
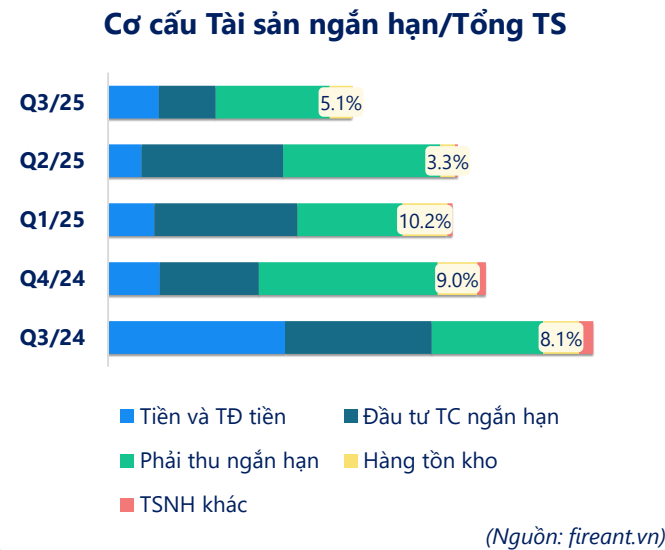
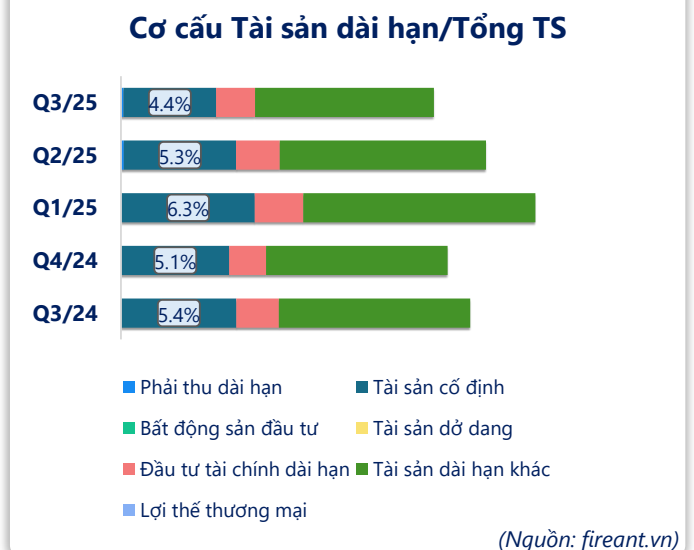
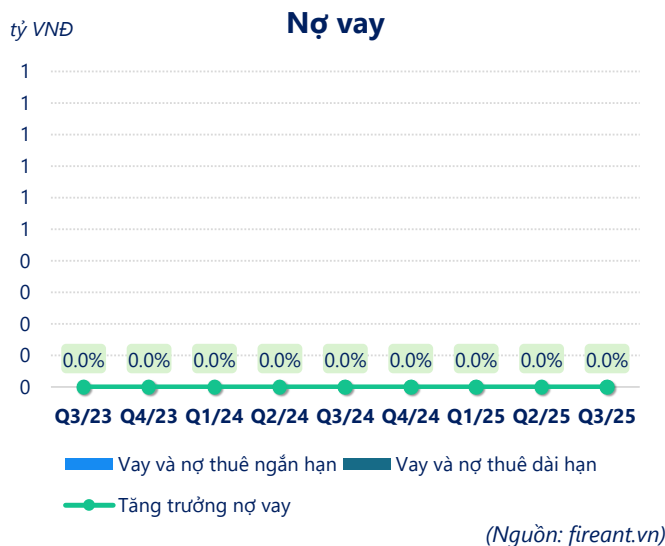
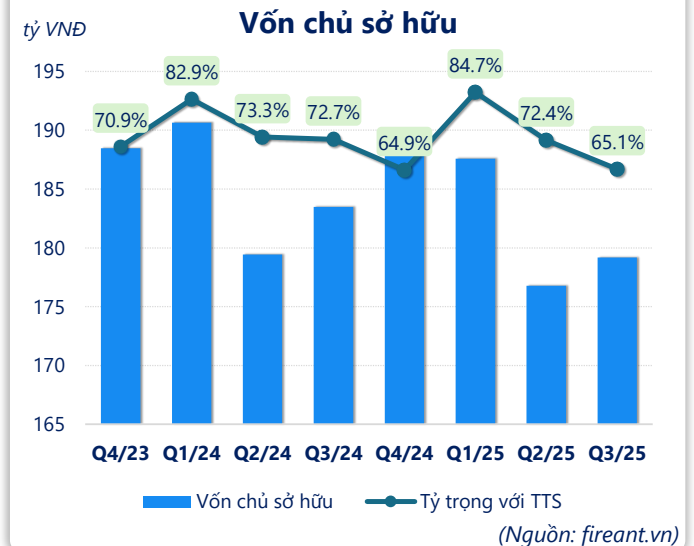
YoY: ▼4.20| -33.0%

ROE

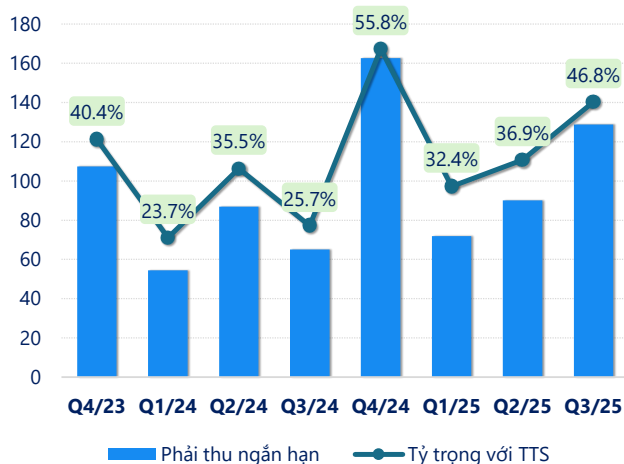
Q3/25

7.8%

+/- YoY: ▼2.0%

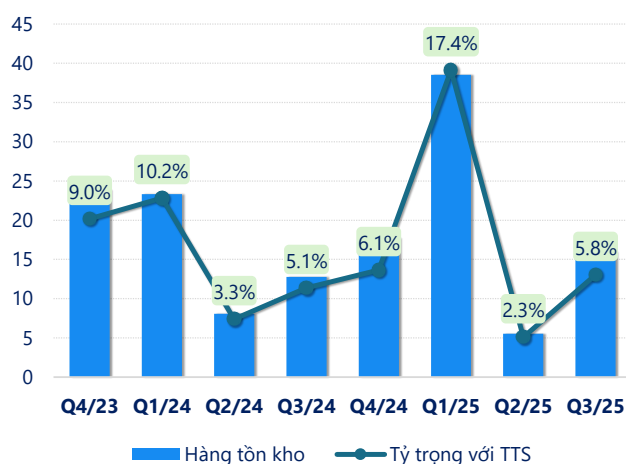


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


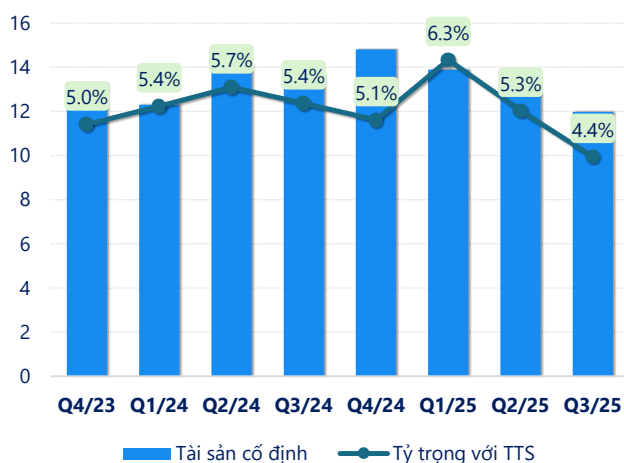
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


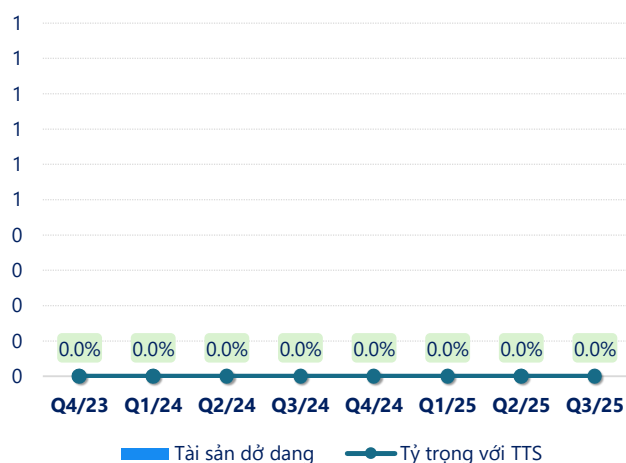
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

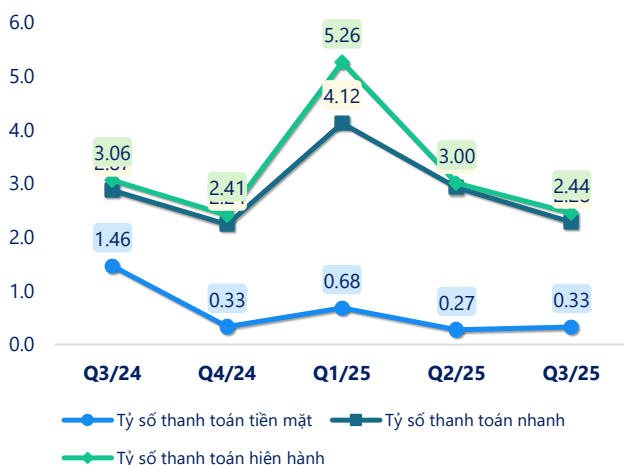
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	252	292	222	244	275
Tài sản ngắn hạn	211	247	178	202	235
Tiền và tương đương tiền	101	33.9	23.1	18.5	31.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.5	32.5	44.3	86.4	57.4
Phải thu ngắn hạn	65.0	163	71.8	90.1	129
Hàng tồn kho	12.8	17.7	38.5	5.53	15.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.02	0.59	1.64	1.19
Tài sản dài hạn	41.5	44.8	43.2	41.9	40.5
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.04	0.34	0.34
Tài sản cố định	13.7	14.8	13.9	12.9	12.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04
Tài sản dài hạn khác	22.7	24.9	24.2	23.7	23.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	69.0	102	33.9	67.3	96.0
Nợ ngắn hạn	69.0	102	33.9	67.3	96.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.52	45.9	9.11	6.06	22.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	189	188	177	179
Vốn chủ sở hữu	183	189	188	177	179
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)